

VĂN HOÁ 'NALANDA' NHƯ LÀ MỘT MÔ HÌNH CỦA SỰ GIÁO DỤC TOÀN CẦU TRONG ĐẠO ĐỨC HỌC

Prof. Dr. Anand Singh*

TÓM TẮT

Phật giáo với sự đóng góp độc đáo đối với văn hoá toàn cầu, sự phát triển của giáo dục và đạo đức học. Phật giáo Ấn Độ với tư cách là một cấu trúc tăng sĩ đã phát triển một nền tảng đạo đức có tính cách giáo dục không thể bắt chước trên truyền thống *sa môn*. Nó tạo ra sự phong phú về kiến thức trong lĩnh vực Vi diệu pháp/ Luận, nhận thức luận, siêu hình học và các môn học giáo dục khác. Truyền thống đại tu viện (Mahāvihāra), còn gọi là các đại học Phật giáo, được bắt đầu lần đầu tiên trong phức hợp đại tu viện Nālandā trong những thế kỷ đầu của công nguyên. Phương pháp giáo dục này khác với giáo dục dành cho tu sĩ. Trong truyền thống học giả này không những giảng dạy các chương trình về Phật học mà còn dạy kiến thức của tất cả các môn học khác. Thật sự là một phương pháp quốc tế trong đó những người từ những niềm tin/tôn giáo khác nhau, từ những vùng miền khác nhau trên thế giới, có thể đến, cư trú và bao gồm sự đa dạng về kiến thức với tất cả những đặc trưng tuyệt hảo. Nó là loại mô hình đầu tiên mà phát huy đạo đức học trong sự giáo dục toàn cầu. Thật ra, Phật học đã cải tiến loại hình này theo cách làm thế nào đạo đức học nhân văn có thể được

* School of Buddhist Studies, Philosophy and Comparative Religions, Nalanda University, Nalanda, India

Người dịch: Diệu Nga

toàn cầu hoá qua những lời dạy của Đức Thế Tôn. Mục tiêu ở đây là giải quyết các tình thế khó xử trên bình diện chung và theo phong cách tu viện có một cơ hội hạn chế về sản sinh một kết quả có tính cách giáo dục và hiệu quả bởi vì các tình huống khó xử thường được xây dựng điển hình bằng cách loại trừ một cách độc đoán các lựa chọn có ý nghĩa. Do đó, sự xem xét kỹ lưỡng về các đề tài đạo đức cần được kèm theo sự khảo sát tỉ mỉ các sự chọn lựa thông qua sự điều tra về triết học và các giá trị đạo đức. Tuy vậy, điều tra có tính chất đạo đức không tự nó diễn ra, cần tạo một cơ hội cho nó xảy ra. Giải quyết các tình huống khó xử về đạo đức không phải là mục tiêu của sự xét hỏi về đạo đức tu sĩ; mỗi quan tâm ban đầu là cư xử của chúng ta khi xem xét các vấn đề như thế. Do đó, khuyến khích con người tham gia vào sự thẩm vấn đạo đức trong các tu viện là vấn đề của sự quan tâm đạo đức chân chánh. Nālandā hiện và từng là người tiên phong của các trường đại học Phật giáo khác như thế ở Ấn Độ và thế giới và sự đóng góp của nó có thể được coi như là ‘Văn hoá Nalanda’. Thế giới đương đại cũng cần một mô hình tuyệt hảo như vậy để giải quyết, chấp nhận, và quảng bá sự giáo dục toàn cầu về đạo đức học.

1. PHÁT TRIỂN CỦA ‘VĂN HOÁ NALANDA’

Nền tảng của phong cảnh Phật giáo này ở Nālandā được nổi bật qua các chuyến viếng thăm thường xuyên của Đức Phật và một số bài kinh quan trọng của Ngài được giảng thuyết tại đây. Hơn nữa, cũng bởi vì là nơi sinh thành của hai vị đại đệ tử quan trọng nhất của Đức Thế Tôn là ngài Sariputta (Xá-Lợi-Phất) và ngài Mahamoggalana (Mục-Kiền-Liên) tại thánh địa Nālandā. Điểm lưu ý đặc biệt về mặt địa lý được đề cập trong Thung Lũng Sông Hằng là nơi Nālandā được kết nối với Phật giáo và giáo dục tăng sĩ. Nền tảng của Phật giáo hiện tại được thiết lập bởi Đức Thế Tôn nhưng sự vững mạnh thật sự của nó bắt đầu ở triều đại của đại đế Asoka (A-Dục) trong thế kỷ thứ ba trước công nguyên và nó đã làm phát sinh tầm mức học giả quan trọng, đặc biệt là về Phật giáo Đại Thừa bởi vì sự phát triển của nó như là một Trung Tâm học thuật

vĩ đại kể từ vương triều Gupta trở về sau. Nālandā nằm ở Trung Tâm Thung Lũng Sông Hằng (từ phía bắc $24^{\circ}30'$ đến $27^{\circ}50'$ và từ phía đông $81^{\circ}47'$ đến $87^{\circ}50'$) trong ven đồng bằng Sông Hằng với sự hình thành đá Chotanagpur và chu vi ở phía bắc bởi các thành phố/quận Patna, thành phố Gaya ở phía nam, quận Navada ở phía đông và quận Jahanabad ở phía tây của bang Bihar. Đặc điểm địa lý tạo nên sự ảnh hưởng với phong cảnh của Nālandā qua các tu viện, các nghi lễ, cấu trúc dân cư và phong cách sống. Nó liên quan đến địa lý và vũ trụ học trong tâm thức của các tín đồ và những người chiêm bái; xét về mặt đó thì sự tồn tại của một thánh địa mà hợp nhất những tư tưởng tôn giáo như thế là hiển nhiên từ vô thủy vô chung. (Kong, 1990). Tiến trình tổng quan liên quan trong việc truyền các tư tưởng như thế thì thông qua sự truyền bá giữa những người có lòng tin và những người không có lòng tin, đôi khi một cách có chủ ý bởi các tu viện với hy vọng rằng người ta sẽ tán thành những tư tưởng và tập quán của họ.

Nó thể hiện một mối ràng buộc đặc biệt giữa Phật giáo và các hiện tượng khác mà bắt đầu bằng kinh nghiệm và sự quan sát về các tính chất không gian của Phật giáo và tiếp đến là các khía cạnh sinh thái và học thuyết đó dưới hình thức sự liên đới đến với một hiện tượng khác. Những cố gắng và niềm tin của họ để thể hiện đầu vào cũng như tạo nên các phẩm chất có tính sinh thái và không gian của một hiện tượng khác đang tồn tại. Mô hình tôn giáo thì rất quan trọng và tương quan với mô hình cuộc sống của nhiều cộng đồng trong một phức hợp thánh địa. Phẩm chất chính yếu là các niềm tin và các tập quán tôn giáo ảnh hưởng đến môi trường thiên nhiên, thánh địa và các đặc điểm không gian của một hiện tượng văn hoá và thiên nhiên. (Stoddard và Prorok, 2003). Những đặc điểm của một phức hợp thánh tích là sự thể hiện sức mạnh cần có để điều chỉnh và chỉ huy. Nó bao gồm một phân khu cụ thể mà hợp nhất tất cả những thiên hướng gắn với khu đất đó. Các thánh tích mà thường được chiêm bái phải đối mặt với các vấn đề đi kèm về quyền sở hữu, bảo quản và tiếp cận với địa điểm cũng như việc công nhận là thánh tích. Rủi ro cao khi dân địa phương và tín đồ tin chắc rằng một lãnh địa nào đó thuộc về anh ta. (Ibid: 2003:762).

Điều này có thể là sự thật đối với tu viện Nālandā khi nó đã được phát triển hoàn toàn như một trường đại học và do bởi nhiều đặc ân về đất đai và những sự bảo trợ mà thánh địa Nālandā được gắn liền. Thế nhưng trong giai đoạn đầu Nālandā không có một ranh giới thiêng liêng như thế. Các tu sĩ và cư sĩ viếng thăm di tích này, và ở lại nhưng độc quyền về các tài sản không phải là đặc trưng của Phật giáo Nguyên Thủy (thời kỳ đầu). Đời sống kinh tế của các tu viện chủ yếu được vận hành và duy trì trên cơ sở của *nissaya* (*tứ sự cúng dường*) nghĩa là thức ăn, quần áo, thuốc men và nơi cư trú. Các đặc trưng về đặc ân đất đai dành cho các tu viện chỉ được hình thành trong những thế kỷ đầu của công nguyên. Các giáo viên của Nālandā như là người truyền trao kiến thức, là bậc có thẩm quyền về kỹ luật và học thuật, là người động viên hay thậm chí là người phát khởi kiến thức có chức năng địa phương trong bối cảnh giáo dục truyền thống. Họ làm việc để hướng dẫn nhóm hướng về sự tự tạo điều kiện thuận lợi, là nơi mà mỗi thành viên của cộng đồng có thể thường thức được một số kinh nghiệm về sự lãnh đạo và nuôi dưỡng tiến trình đó như một tổng thể. Tại đây mục tiêu của những người tạo điều kiện thuận lợi là phân bổ chức năng của họ giữa các thành viên và trải nghiệm đối thoại với nhiều thành viên tu sĩ, mặc dù có một người giữ vai trò đặc biệt. Ngoài ra, giáo viên tạo mô hình kỹ năng đối thoại nhóm và can thiệp khi có những phức tạp liên quan đến cấu trúc tâm lý học (psychodynamic) của sinh viên như một tổng thể hay cấu trúc quan niệm của cuộc tranh biện mà liên quan đến sinh viên đó. Vì việc làm sáng tỏ và phát khởi các ý tưởng mới khi đối diện là một tiến trình phi tuyến (không theo đường thẳng), nên nó được đi kèm với việc phân nhánh, đệ qui, làm nổi bật những yếu tố không thích hợp và không dự đoán được và sự thể hiện của việc huyền não trong giao tiếp. Nālandā bao gồm cả đấu trường để hiểu và mô tả những sự đa dạng về không gian giữa các hệ phái, các phẩm chất và các hoạt động được coi là linh thiêng.

Các tháp, các tu viện và các nơi được coi như thánh tích được nhận diện bằng cách quan sát các cơ sở tôn giáo và các nghi lễ. Một số nghi lễ chỉ được thực hiện tại một số nơi đặc biệt như là các tháp thờ của tôn giả Sariputta (Xá-Lợi-Phất) và tôn giả Mahāmoggala-

na (Mục-Kiên-Liên) là nơi thờ phụng đặc biệt đối với họ. Nó tạo động lực thường xuyên cho các tín đồ và người theo đạo thực hiện các chuyến hành hương đến những thánh tích như vậy. Những sự kiện nghi lễ trong vòng khu vực *sīmā* (*kiết giới*) của thánh tích là yếu tố quan trọng để nêu bật địa lý của thánh tích tôn giáo của Nālandā. Kích cỡ môi trường và không gian, hành vi tôn giáo, các giả tượng và thái độ là những đặc điểm quan trọng để xem xét bởi vì những nhận thức và hành động có khuynh hướng tinh thần đóng vai trò quan trọng trong những việc làm của con người. (Ibid, 2003:759). Địa lý học của Phật giáo hiện tại chủ yếu liên quan tới cách hình thức tôn giáo ảnh hưởng đến thắng cảnh. Nó có những kích cỡ bên trong và bên ngoài mà liên hệ đến các nghi lễ và đạo đức của nó ảnh hưởng của huyền thoại. Với sự phát triển của phong cảnh và những ngụ ý của nó trong nhận thức về không gian thì cũng quan trọng. Kinh nghiệm tôn giáo tượng trưng cho không gian bằng cách đánh giá các giá trị tôn giáo đối với hiện tượng thiên nhiên. Vấn đề nằm ở việc chuyển đổi những sức mạnh tôn giáo lên phong cảnh đó và tại sao trong những nền văn hoá khác nhau có sự thích nghi và tính nhạy cảm khác nhau. (Issac, 1959-60). Địa lý văn hoá của bất kỳ phức hợp thánh tích nào cũng liên quan đến hai loại quan hệ, sự tương tác giữa một nền văn hoá và môi trường mặt bằng phức tạp của nó và hai là tương tác không gian giữa các nền văn hoá khác nhau. Vì xã hội và kinh tế trở nên phức tạp hơn, chủ nghĩa tượng trưng và tính trừu tượng của các mối quan tâm về sinh thái làm gia tăng tiến trình đồng hoá. Nó trở nên sâu sắc hơn khi truyền thống di chuyển từ địa phương (dân tộc) sang toàn cầu. (Sopher, 1981). Tại Nālandā, Phật giáo được thấm đẫm với các học thuyết, huyền thoại, đạo đức và nghi lễ. Nó có tính thực nghiệm, là mộ phà của thế giới hiện thực và do đó gắn bó chặt chẽ với xã hội. Tại đây tính đồng nhất giữa các yếu tố tôn giáo và môi trường thiên nhiên có thể được thăm sát nên nó là một kinh nghiệm theo thứ tự liên hệ đến các mối quan hệ khác. Nó tạo ra tính tương đẳng và hài hoà với các mối quan hệ xã hội. Tôn giáo đóng vai trò như những yếu tố của thắng cảnh có thể được coi như có thể nhìn thấy và thuộc vật chất. Các yếu tố quan trọng của thắng cảnh như nơi cư trú, dân cư, các

tài nguyên kinh tế, nghề nghiệp và thể loại có thể được xem xét để xử lý hiện tượng tôn giáo của vùng miền đó. Cách thức sống và việc sử dụng của con người với môi trường không chỉ là hướng về con người mà còn hướng về tính thiêng liêng. (Deffontaines, 1953). Một yếu tố quan trọng khác có thể thấy trong phức hợp tu viện Nālandā là việc tránh mâu thuẫn vì bất cứ nguyên nhân kinh tế nào. Một cơ chế để tránh xung đột hình thành khi giải quyết vấn đề là người ta thường chuyển sang các khu vực mới nơi mà cùng một cấu trúc có thể được lập lại và do đó tránh được sự căng thẳng trong nội bộ. Việc chuyển hướng như thế của một nhóm nào đó bắt đầu tiến trình vật tổ và nguồn gốc của huyền thoại về nhiều nhóm di chuyển đã được đề cập trong văn học Phật giáo. Những sự di chuyển như thế được đề cập trong *Thung Lũng Sông Hằng* kể từ cuối thế kỷ thứ hai đến thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên. Việc truyền bá của những địa điểm của Nền Văn Hoá Ấn thời Đồ Đá từ nơi tập trung đông dân cư ở *Phân Trên Lưu Vực Sông Hằng-Sông Yamuna* đến *Lưu Vực* (phần phù sa) ít dân cư hơn ở phía trung và nam phần phù sa và khu vực phía đông của lưu vực cũng thể hiện mô hình di cư như thế. (Thapar, 2000).

Phong cảnh của thánh tích Nālandā đã được phát triển bởi vì một số yếu tố đã tồn tại sẵn rồi. Nālandā đa phần bao gồm đất phù sa ngoại trừ vùng núi đồi của Rājagriha (Vương-Xá). Toàn khu vực được đánh dấu bởi bốn loại hình đất đai: đất mùn trộn đất sét, đất mùn mịn, đất mùn, và đất mùn thô chủ yếu từ những lớp đất phù sa của phía nam đồng bằng sông Hằng. Những lớp phù sa này được lấy từ những vùng cao phía nam và có tính tương đối thô lẫn hơn. Nālandā thiếu những hồ nước hình chữ U và ở đồng bằng Gangapar hẹp tại phía tây của sông Karmanasa, có một địa hình đặc biệt từ việc tiếp xúc của đồng bằng với những cồn đất nhỏ, dẹp, thì không bị địa hình đất bị cong, lồi lõm (pent land). Phía nam thì bằng phẳng hơn. Phần *Thung Lũng Sông* thấp hơn thì thuộc loại địa văn học. Ở đồng bằng vùng Magadha-Anga (Ma-Kiệt Đà-An-ga) người ta tìm thấy một số đồi như là đồi Barabar, đồi Jethian và đồi Nāgarjuni, v.v... (Singh, 1993). Phần đất phù sa màu mỡ và cấu trúc đất trồng trọt phát triển tạo nên sự tăng trưởng kinh tế đầy

đủ. Người dân không những có thể nuôi sống gia đình họ, bán lấy lời mà còn cúng dường cho các *tỳ khưu* và *tỳ khưu ni* để tạo phước điền. (Singh, 2018). Vùng đất này nổi tiếng về trồng lúa và đó là vụ mùa chính của khu vực Magadha-Anga. Nhiều dẫn chứng về *bhatta* (gạo) khi cúng dường được đề cập trong văn học Phật giáo, thể hiện tầm quan trọng của việc trồng lúa. Các cư sĩ thường mời các tu sĩ đến dùng bữa (gạo). Đôi khi mời một số tu sĩ có chọn lựa (*salakabhatta*) và đôi khi mời cả tăng đoàn (*samghabhatta*). Người tài trợ cho những bữa ăn như thế được gọi là *bhattar* (người cúng dường cơm). Vị tri sự (*bhattauddesaka*) là người quản lý chi định một số vị tăng cụ thể đến thọ trai tại một nhà nào đó. (Findly, 2003). Dải đất đồng bằng rộng rãi ở phía bắc bang Bihar cung cấp đất mênh mông cho việc đó. Những bờ ruộng *jheels* và *chours* tạo ra một quang cảnh đất đầm lầy với phong cảnh. Kinh Phật đề cập đến việc trồng lúa và sự đa dạng của gạo cũng nhiều như kinh Vệ Đà nói về bò. (Thapar, 2001). Vùng này cũng chủ yếu là núi rừng, đồi núi và hang động. Nó tạo điều kiện cho việc thiền hành đối với tăng và ni, một điều kiện cần có cho họ đạt *niết bàn*. Trong *Trường Lão Kệ* và *Trường Lão Ni Kệ* có nhiều bài kinh, ca ngợi núi Gijjhakuta (Linh Thứu) và khu vực lân cận của nó. Một yếu tố khác là Nālandā cũng có khả năng phát triển những thánh tích để thu hút không những tăng ni mà còn cư sĩ nữa. Không chỉ có Đức Thế Tôn là người đã thuyết một số bài kinh quan trọng ở đây mà còn có một số tăng sĩ đạo Phật như tôn giả Sariputta (Xá-Lợi-Phất), tôn giả Mahāmoggalana (Mục-Kiền-Liên) được sinh ra và nhập *niết bàn* (*mahāparinibbāna*) ở khu vực này. Nhiều học giả xuất chúng như ngài Nāgarjuna (Long-Thọ) và Padmasambhava (Liên-Hoa-Sanh) cũng gắn liền với nơi đây. Thế nên ngay từ đầu Nālandā đã là nơi hành hương cho các Phật tử. Có thể nói rằng tất cả tôn giáo trong sự phát triển của chúng thể hiện ít nhiều nền văn hoá mà bao gồm nghi lễ, biểu tượng, và hành vi. Do bởi những sự phát triển như thế mà hiện tượng tôn giáo xuất hiện trong quan hệ thật sự với bề mặt của trái đất và xem xét như thế về mặt không gian. Nó tùy thuộc vào ba khái niệm: tính thiêng liêng, nghi lễ, và tính khoan dung. Có hai loại tính chất thiêng liêng, loại bản chất thần thông, mà được nhận dạng với không gian hay

vật thể và loại lịch sử-tôn giáo mà có liên quan đến một người hay một sự kiện. Nó sẽ dẫn đến việc thiêng liêng hoá hoặc ngược lại. Quan trọng ở đây là thừa nhận các phẩm tính của nghi lễ, những hình thức có tính cách tôn giáo và các ứng dụng của chúng. Nó có thể phân biệt giữa các nghi lễ tôn giáo mà hướng về đời sống và các nghi lễ suốt đời mà khuynh hướng nhiều về những điều răn và ngăn cấm. (Fickeler, 1962). Người ta có thể nhìn thấy ý tưởng về lòng khoan dung tại Nālandā và điều này cũng đã có từ thời Đức Phật còn tại thế. Trong thời đại đó Nālandā đã là một Trung tâm quan trọng của Kỳ na giáo và ngoại đạo Ājivikas (thuyết ‘Số phận’). Cả hai giáo chủ ngoại đạo là Vardhamana Mahāvira (Ni-kiền-tử) and Makkhaliputta Gośala (Mặc-già-lê Cù-xá-lợi) đều cư trú tại đây. Trong những thế kỷ đầu của công nguyên sự hấp thụ các vị thần của Bà la môn giáo và ngược lại khá rõ ràng trong các tượng điêu khắc và kiến trúc của Nālandā. Tuy vậy cũng có thể nhìn thấy sự thù nghịch trong nghệ thuật và văn học khi những hệ thống tư tưởng Phật giáo và Bà la môn giáo tranh biện với nhau không chỉ trong các cuộc tranh luận bằng văn chương mà còn thấy rõ trong các hình ảnh và nghệ thuật.

Phổ biến kiến thức và việc học hỏi thực tiễn là lãnh vực đáng tuyên dương của việc học tập tại Nālandā. Việc giảng dạy có tính cách học thuyết cũng được giới thiệu trong cuộc đời của các vị tăng một cách thực tiễn. Sự giáo dục được nhận thức và được hiểu bởi các vị giám sát và các giá sư của Nālandā thực sự nghĩa là sự phát triển toàn diện mà có tính trí thức, đạo đức và tinh thần và thẩm mỹ. (Chaudhry, 2000). Bên trong đại nội viện, các vị tăng và ni được huấn luyện sống một cuộc sống có giá trị tinh thần và đạo đức cao tuân thủ các giới luật do Đức Phật chế. Bên ngoài đại nội viện, nền giáo dục Nālandā bao gồm cả một cuộc sống vừa thành công vừa thanh bình trong xã hội và đôi khi chuẩn bị cho cá nhân đó thịnh vượng về vật chất. Kinh Dịch cho rằng đôi khi các tăng sĩ của Đại nội viện Nālandā đã đi tới các buổi thượng triều của các vị vua và sau khi thể hiện tài năng của họ về kinh Phật, đã nhận sự giúp đỡ tiền bạc hay các chức vụ về hàn lâm hay hành chính. Thậm chí ngay cả những người mà chưa từng có bằng tại Nalanda cũng khoác lác

rằng họ đã học tại đây. Những vị du khách người Trung Hoa nói rằng thậm chí những người mà đã ăn trộm tên của Nālandā tất cả đều được kính trọng tại bất cứ nơi nào họ đến. (Beal, 1969). Tất cả các tổ chức giáo dục là những cái bóng được kéo dài của các vị giáo sư, học giả và các sinh viên đã tốt nghiệp vĩ đại của nó. Nālandā, cũng giống như cái bóng được kéo dài của các học giả và các sinh viên của nó. Có thời điểm đã có đến 10.000 vị tăng thường trú cư ngụ tại Nālandā. (Beal, 1973). Chương trình học tại Nalanda đã là một sự kết hợp khéo léo giữa kiến thức tôn giáo và kiến thức thế tục. Nó đã bao gồm ngôn ngữ và ngữ pháp, nghệ thuật, y khoa, triết học cũng như việc nghiên cứu toàn diện các tác phẩm của mười tám trường phái Phật giáo. Nó có sinh viên từ các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Tây Tạng và các nước khác ở Châu Á.

2. 'VĂN HOÁ NALANDĀ' NHƯ LÀ MỘT MÔ PHẠM CỦA GIÁO DỤC TOÀN CẦU

i. Đại tu viện Nālandā nằm ở một khu vực nơi mà bao gồm sự đa dạng về tín ngưỡng từ nhiều hệ phái của đạo Phật và nó đại diện suốt dọc vùng đất này cho đến các tôn giáo và tín ngưỡng chính khác nhau trên thế giới cùng với những truyền thống tôn giáo. Sự đa dạng đó làm phong phú vùng miền này và đóng vai trò là nguồn cảm hứng cho nền tảng kích thích sự suy nghĩ cho các tăng sĩ và sinh viên để phát triển những tín ngưỡng và giá trị riêng của chính họ. Giáo dục có tính chất đạo đức và tôn giáo làm cho họ có khả năng đào sâu những tôn giáo khác của Ấn Độ và các quan điểm độc lập với tín ngưỡng tôn giáo của họ. Nó hỗ trợ cho việc phát triển và thẩm sát các giá trị của họ và khả năng của họ trong việc phán xét có đạo đức. Thông qua phát triển sự nhận thức và đánh giá cao về các giá trị của mỗi cá nhân trong một xã hội đa dạng, sự giáo dục có tính chất đạo đức, tôn giáo khuyến khích tinh thần có trách nhiệm với những người khác. Sự nhận thức và đánh giá cao này đã giúp nhiều cho việc trung hoà định kiến và tính không khoan dung khi họ xem xét các vấn đề như là chủ nghĩa bè phái và sự đối xử phân biệt. Thái độ rộng lượng như vậy trong chương trình học vẫn còn tính hiện thực.

ii. Giáo dục có tính chất đạo đức và tôn giáo là một quy trình trong đó các tăng sĩ và các tân sinh viên tham gia vào việc tìm hiểu về ý nghĩa, giá trị và mục đích trong cuộc sống. Điều này liên quan cả đến việc khám phá các tín ngưỡng và các giá trị về việc nghiên cứu làm thế nào những tín ngưỡng và các giá trị như vậy có thể được kết nối với nhau. Họ phải nhận thức rõ rằng những tín ngưỡng và các giá trị là cơ bản đối với hệ thống chùa chiền, gia đình, và đối với cơ cấu của xã hội trong các cộng đồng, địa phương và toàn cầu. Có một giá trị thực chất trong việc học hỏi về tôn giáo cũng như việc học hỏi từ các tôn giáo khi sinh viên phát triển sự hiểu biết của họ về tính đa dạng trong xã hội của chúng ta và vai trò của họ trong đó. Các kỹ năng thẩm xét, phán xét, và việc hiểu biết được gia tăng về các tín ngưỡng và các giá trị của những người khác thì đều quan trọng trong quy trình này.

iii. Học hỏi thông qua giáo dục có tính chất tôn giáo làm cho các tăng sĩ nhận diện được rằng tôn giáo như là một cách thể hiện quan trọng về kinh nghiệm của con người và việc học hỏi về các tín ngưỡng, các giá trị, các tập quán và những truyền thống của đạo Phật. Nó khai phá và phát triển kiến thức và sự hiểu biết về các trường phái khác nhau của đạo Phật và điều tra về các câu trả lời mà các quan điểm có tính chất tôn giáo hay không có tính chất tôn giáo có thể trả lời cho những câu hỏi về bản chất và ý nghĩa của cuộc sống. Điều này càng làm gia tăng các tín ngưỡng, thái độ, các giá trị và các tập quán của họ qua việc phản chiếu, khám phá và đánh giá kỹ lưỡng mà tạo sự khác biệt tích cực cho thế giới bằng cách thể hiện các tín ngưỡng và các giá trị của họ bằng hành động.

iv. Giáo dục có tính chất logic, thuật ngữ, và đạo đức là phần chủ yếu của mỗi sinh viên khi trải nghiệm việc học tại Nālandā. Những kinh nghiệm và kết quả liên quan đến việc phát triển các tín ngưỡng và các giá trị của riêng họ không hình thành một bối cảnh riêng mà được đan xen với các kinh nghiệm và kết quả của đạo Phật. Khi lên kế hoạch cho giáo dục có tính chất đạo đức và tôn giáo, các tu viện Phật giáo có thể xem xét đến các cộng đồng và bối cảnh mà xã hội hiện đại sinh sống và học hỏi. Thông qua việc học hỏi trong giáo dục có tính chất đạo đức và tôn giáo người ta sẽ có

sự hiểu biết về đạo Phật mà đã và đang tạo nên lịch sử và các truyền thống của nhiều nước Châu Á và tiếp tục ảnh hưởng đến các giá trị có tính chất toàn cầu.

v. Ngoài ra đó là một sự thật cơ bản rằng một số sinh viên của Đại Tu viện Nālandā có nhiều tín ngưỡng và quan điểm. Thật ra, những kinh nghiệm và những kết quả của họ dẫn đến việc mở rộng vượt ngoài bối cảnh địa phương đến bối cảnh toàn cầu. Hiện nay việc áp dụng cùng quan điểm về những phương pháp học hỏi chủ động và hợp tác sẽ khuyến khích người ta thảo luận và chia sẻ các ý tưởng, kinh nghiệm và những thách thức có tính chất mô phạm trong nhiều cách khác nhau. Điều này sẽ làm phát triển kỹ năng cho cuộc sống và việc làm.

vi. Đó cũng đã là một truyền thống tại Nālandā khi những sinh viên dù thuộc tín ngưỡng nào cũng đều được đối xử với sự yêu thương và chăm sóc. Điều này cũng nên được khắc sâu cho những xã hội ngày nay. Trong khi một số có thể mong ước cho người khác biết về tín ngưỡng của họ, những người khác thì có thể không mong như vậy. Người ta không nên giả định là bất cứ ai cũng nên tự động được coi như một nguồn thông tin. Những quan điểm độc lập về tín ngưỡng tôn giáo có thể được xem xét trong các phương pháp giảng dạy và học hỏi được áp dụng trong đạo Phật. Những kinh nghiệm và những kết quả trong việc phát triển các tín ngưỡng và các giá trị hỗ trợ cho sự hình thành hiểu biết rộng hơn và truyền cảm hứng cho việc giảng dạy và học hỏi. Quan trọng nhất, chính là người thầy mà truyền động lực và thách thức các ý tưởng quan trọng trong việc toàn thành những nguyện vọng của tất cả. Cần phải thừa nhận những điều kiện địa phương và những mong mỏi của cộng đồng. Ngoài ra cũng quan trọng khi tránh việc đối xử hời hợt với quá nhiều các quan điểm và quá nhiều đặc điểm mà có khả năng gây khó xử. Tuy nhiên, trong khi một hoặc nhiều khía cạnh của đạo Phật sẽ được nghiên cứu sâu hơn, những người thầy có thể cũng mong muốn thu hút sự chú ý đến những lãnh vực đã được lựa chọn cẩn thận về các tôn giáo khác, có thể trong bối cảnh về tính uyên bác của nhiều ngành học thuật.

vii. Bối cảnh thẩm vấn thường khiến cho các nhà giáo dục phân bố các điểm mà người ta có thể đánh giá các quan điểm độc lập với

tín ngưỡng tôn giáo và các truyền thống. Những quy trình gắn với ý tưởng của nghiên cứu có tính cách cá nhân vẫn là một thành phần chủ chốt của việc học hỏi trong đạo Phật. Bối cảnh nghiên cứu nên khuyến khích việc phát triển các tín ngưỡng và các giá trị riêng của mỗi người ngoài việc phát triển kiến thức và sự hiểu biết của người đó về các giá trị, các tập quán và những truyền thống. Điều này có thể đạt được qua việc xem xét, quán chiếu và trả lời các thách thức thể hiện bởi các tín ngưỡng và các giá trị tôn giáo.

viii. ‘Văn Hoá Nālandā’ khuyến khích những tín ngưỡng và các giá trị được bao gồm trong khuôn khổ của việc khám phá các tôn giáo và các quan điểm của nó. Mười tám loại hình giảng dạy được thực hiện ở Đại tu viện Mahāvihāra và các bậc trí giả công nhận là việc đánh giá việc giáo dục có tính chất mô phạm và tôn giáo sẽ tập trung vào kiến thức và sự hiểu biết về tập quán và truyền thống tôn giáo và trên những kỹ năng của họ trong biết thông tin, phản ứng với các vấn đề và đạo đức. Bằng cách thực hành điều này, các sinh viên sẽ có khả năng thể hiện sự tiến bộ của họ thông qua tăng cường các đáp án có suy xét đối với những tín ngưỡng, các giá trị, các tập quán và truyền thống dành cho chính bản thân họ và cho những người khác. Các giá trị như là lòng khoan dung, trí tuệ, lòng bi và sự chính trực thường được truyền trao qua tất cả các lĩnh vực của đời sống như một cộng đồng. Những điều này có thể được phát triển hơn nữa qua việc khám phá và thảo luận trong giáo dục có tính cách mô phạm và tôn giáo. Người ta nên được tạo cơ hội để tham gia vào việc phục vụ người khác và gặp gỡ những người chứng minh niềm tin của họ bằng hành động. Họ sẽ học hỏi từ tất cả những ai mà tạo cho họ sự hứng khởi, thách thức và ủng hộ.

ix. Sự giáo dục có tính mô phạm dựa trên thời khoá biểu của Nālandā tạo kinh nghiệm và khuyến khích các mối liên kết với các lĩnh vực khác trong việc học hỏi để cung cấp cho người học sự hiểu biết chủ động hơn, thích thú hơn và sâu sắc hơn. Những kinh nghiệm này làm phát triển những kỹ năng sau đây của một con người: người đó trở thành những người học thành công hơn, là cá nhân tự chủ và có trách nhiệm cũng như là người đóng góp có hiệu quả. Giáo dục có tính đạo đức và tôn giáo có sự liên đới mạnh mẽ với việc học hỏi về chủ nghĩa con người, doanh nghiệp, tính sáng tạo và khả năng chịu đựng. ‘Văn Hoá Nālandā’ tạo cơ hội để liên

kết sự giáo dục mô phạm và đạo đức với bối cảnh toàn cầu và để nêu ra các vấn đề có tính mô phạm và đạo đức hiện nay. Việc học hỏi có ý nghĩa thu hút các phương tiện thông qua việc quán chiếu về sự học hỏi và các giá trị của những người khác. Nó nêu lên sự nhận thức và hiểu biết về các quan điểm và tín ngưỡng khác nhau và khuyến khích sự thảo luận và tranh biện.

x. Điều mà 'Văn Hoá Nālandā' thành khẩn yêu cầu là một sự hiểu biết rằng tôn giáo là một phần của xã hội và mong muốn được đề cập trong khuôn khổ xã hội riêng của chính nó. Đó là nhận được sự tán thành ngày càng nhiều trong xã hội đa-văn hoá hiện nay. Việc gia tăng trong sự thích nghi trên cơ sở đạo Phật và sự đa dạng tôn giáo đã củng cố thêm cho nhận thức này. Nó nhấn mạnh vai trò quan trọng mà đạo Phật phải thể hiện trong việc tạo điều kiện cho việc đối thoại/giao lưu đa văn hoá về việc duy trì và phát triển long từ bi và hoà bình. Hơn thế nữa, nó tổ chức những buổi gặp gỡ với các cộng đồng tôn giáo khác nhau và đối thoại với nhau để trao đổi tư tưởng về những mối quan tâm chung như là giáo dục và quyền con người. Không tham gia vào đối thoại dễ khiến nảy sinh sự nhận thức rập khuôn về các tôn giáo và các nền văn hoá khác, tạo nên sự nghi ngờ lẫn nhau, căng thẳng và lo lắng và do đó thường nuôi dưỡng sự không khoan dung và phân biệt đối xử./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Beal, Samuel (1969), (trans.), *Si-Yu-Ki, Ghi Chép của Đạo Phật về Thế Giới Phương Tây được dịch từ tiếng Hoa của Ngài Huyền Trang* (năm 629 sau công nguyên), Tập II, Munshiram Manoharlal, Delhi, trang 165.
2. Beal, Samuel (1973), (trans.), *Cuộc đời của Ngài Huyền Trang của Hwui Li*, Tập. I, Delhi: Munshiram Manoharlal, trang 118.
3. Chaudhary, Angraj (2003) 'Những Nguyên Nhân của Sự Vi Đại Bền Bỉ của Đại Tu Viện Nālandā', trong *Di Sản của Nālandā và Sự Tiếp Nối của Nó*, do R. Panth biên soạn, Nalanda: Nava Nālandā Mahāvihāra, trang 33.
4. Deffontaines, Pierre. (1953). 'Những Yếu Tố Tôn Giáo

- trong Địa Lý Học của Con Người: Động Lực của Nó và Những Hạn Chế của Nó', *Diogenes (tên nhà triết học người Hy Lạp)*, Tập.1:2, trang 24 đến trang 37.
5. Fickeler, P. (1962), 'Những Câu Hỏi Cơ Bản trong Địa Lý Học về Các Tôn Giáo' trong *Các Bài Đọc về Địa Lý Học Văn Hoá* do M. Mikesell và P. Wagner biên soạn, Chicago: Chicago University Press, 1962, trang 94 đến trang 117.
 6. Findly. E. B. (2003), *Cúng Dường: Cho Đi và Nhận Lấy trong Phật giáo Pāli*, Delhi: MLBD, trang 56, trang 141 và trang 322.
 7. Issac, Erich. (1959-60), 'Tôn Giáo, Phong Cảnh và Không Gian', *Phong Cảnh: Tạp Chí về Địa Lý Học về Con Người*, Tập.9:2, trang 14 đến trang 18.
 8. Kong, Lily. (1990) 'Địa Lý và Các Tôn Giáo: Những Khuynh Hướng và Các Viễn Cảnh' *Tiến Bộ trong Địa Lý Học về Con Người*, Tập XIV, trang 355 đến trang 371.
 9. Singh, Anand (2018) 'Di Tích Phật Giáo Cổ Đại tại Nālandā: Các Yếu Tố Địa Lý và Môi Trường Xã Hội-Văn Hoá' do tổ chức Mahabodhi Society, Bodhgaya phát hành.
 10. Singh, R. L. (1993), *Ấn Độ: Địa Lý Học Vùng Miền*, Delhi: Cục Khảo Sát Địa Hình Quốc Gia của Ấn Độ, trang 190 đến 192.
 11. Sopher, David E. (1981), 'Địa Lý và Các Tôn Giáo' *Tiến Bộ trong Địa Lý Học về Con Người*, Tập 4, trang 510 đến 524.
 12. Stoddard, Robert H. và Carolyn V. Prorok (2003), 'Địa Lý Học về Tôn Giáo và Hệ Thống Tín Ngưỡng' trong *Địa Lý Học của Nước Mỹ Đầu Thế Kỷ 21* do Cort J. Willmott và Gary Gaille biên soạn, London: OUP, trang 759 đến trang 767.
 13. Thapar, Romila (2000), 'Sự Hình Thành Nhà Nước (Tiểu Bang) trong Thung Lũng Sông Hằng trong giữa đầu thiên niên kỷ Trước Công Nguyên', *Văn Hoá Quá Khứ*, do Romila Thapar biên soạn, Delhi: OUP, trang 375 đến trang 395.
 14. Thapar, Romila (2001), *Từ Truyền Thừa đến Tiểu Bang*, New Delhi: OUP, trang 73.